

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, phường Nhơn Bình
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Hòa	Chủ tịch
Ông Cao Trung Kiên	Thành viên
Ông Mai Minh Phương	Thành viên
Ông Lê Thanh Viên	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Luận	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Cao Trung Kiên	Giám đốc
Ông Mai Minh Phương	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Cao Trung Kiên
Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		168.806.748.737	158.283.502.529
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	59.518.116.234	75.750.967.116
1. Tiền	111		21.518.116.234	1.450.967.116
2. Các khoản tương đương tiền	112		38.000.000.000	74.300.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.731.675.812	72.722.367.623
1. Phải thu khách hàng	131		6.211.500.771	48.242.284.655
2. Trả trước cho người bán	132		70.829.980.000	8.136.823.341
3. Các khoản phải thu khác	135	5	690.195.041	16.343.259.627
III. Hàng tồn kho	140	6	29.726.768.718	9.595.335.817
1. Hàng tồn kho	141		32.698.827.046	9.595.335.817
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.972.058.328)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.830.187.973	214.831.973
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		99.774.500	210.725.034
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.235.760.533	4.106.939
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		494.652.940	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)	200		71.633.602.320	60.655.496.537
I. Tài sản cố định	220		65.270.680.916	53.377.620.996
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	43.417.445.895	39.859.542.869
- Nguyên giá	222		64.687.374.070	55.363.546.431
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.269.928.175)	(15.504.003.562)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	21.822.235.021	13.481.175.075
- Nguyên giá	228		21.904.819.239	13.539.002.668
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(82.584.218)	(57.827.593)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		31.000.000	36.903.052
II. Tài sản dài hạn khác	260		6.362.921.404	7.277.875.541
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	6.359.921.404	7.274.875.541
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.000.000	3.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		240.440.351.057	218.938.999.066

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		101.734.971.061	102.106.142.415
I. Nợ ngắn hạn	310		101.734.971.061	102.020.426.415
1. Phải trả người bán	312		3.663.211.358	76.974.541.349
2. Người mua trả tiền trước	313		86.574.823.204	1.876.324.854
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	420.190.820	10.706.386.312
4. Phải trả người lao động	315		3.009.894.779	2.212.661.994
5. Chi phí phải trả	316		-	6.307.223.510
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		77.209.446	243.150.186
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.989.641.454	3.700.138.210
II. Nợ dài hạn	330		-	85.716.000
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	85.716.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		138.705.379.996	116.832.856.651
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	138.705.379.996	116.832.856.651
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	23.366
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.064.298.037	4.699.358.744
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.315.375.475	3.132.905.829
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.325.706.484	9.000.568.712
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		240.440.351.057	218.938.999.066



Phạm Thị Tuyết Minh
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 02 năm 2013



Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng



Cao Trung Kiên
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012		2011	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	2.468.822.428.179		2.211.987.455.710	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	12	27.842.416.244		14.867.163.230	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	12	2.440.980.011.935		2.197.120.292.480	
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	12	2.347.980.403.185		2.126.497.796.242	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		92.999.608.750		70.622.496.238	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.428.806.800		5.777.893.743	
7. Chi phí tài chính	22		41.886		2.076.506.360	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-		2.076.506.360	
8. Chi phí bán hàng	24		20.399.465.731		14.305.262.006	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.851.448.242		18.135.314.332	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		53.177.459.691		41.883.307.283	
11. Thu nhập khác	31		90.816.000		952.049.153	
12. Chi phí khác	32		-		874.627.573	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		90.816.000		77.421.580	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		53.268.275.691		41.960.728.863	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	14	9.618.882.764		10.631.670.570	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		43.649.392.927		31.329.058.293	
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.365		3.355	



Phạm Thị Tuyết Minh
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 02 năm 2013



Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng




Cao Trung Kiên
Giám đốc

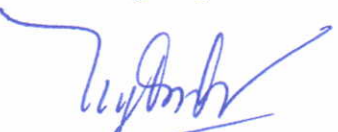
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


MÃ SỐ B 03-DN


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	53.268.275.691	41.960.728.863
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.868.343.238	5.669.768.326
Các khoản dự phòng	03	2.972.058.328	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	41.886	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.433.906.800)	(5.777.893.743)
Chi phí lãi vay	06	-	2.076.506.360
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	58.674.812.343	43.929.109.806
Thay đổi các khoản phải thu	09	(12.779.308.189)	18.242.870.422
Thay đổi hàng tồn kho	10	(23.103.491.229)	(8.824.839.892)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.961.465.893)	11.547.410.854
Thay đổi chi phí trả trước	12	(205.772.289)	217.976.998
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(2.076.506.360)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.795.762.393)	(14.439.157.433)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.171.000.000	2.097.019.539
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.643.844.988)	(3.784.359.039)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.356.167.362	46.909.524.895
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9.861.403.158)	(16.260.922.189)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.100.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.298.806.800	5.777.893.743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.557.496.358)	(10.483.028.446)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	20.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	121.160.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(121.160.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.031.480.000)	(9.927.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.031.480.000)	10.072.400.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(16.232.808.996)	46.498.896.449
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	75.750.967.116	29.252.047.301
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(41.886)	23.366
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	59.518.116.234	75.750.967.116


Phạm Thị Tuyết Minh
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 02 năm 2013


Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng


Cao Trung Kiên
Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (“Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100733174 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung - thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350400294 ngày 15 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”).

Công ty có hai (2) Chi nhánh hạch toán phụ thuộc và hoạt động tại Đăk Lăk và Quảng Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 50 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 48 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Mua bán hàng nông, lâm sản; Mua bán các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất có liên quan; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa; Kinh doanh kho bãi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 15
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn và quyền sử dụng đất có thời hạn, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Công ty thuê 20.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Bình trong 45 năm, tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNGLô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	59.877.051	162.466.021
Tiền gửi ngân hàng	21.458.239.183	1.288.501.095
Các khoản tương đương tiền	38.000.000.000	74.300.000.000
	<u>59.518.116.234</u>	<u>75.750.967.116</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 9%/năm.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Chiết khấu mua hàng Quý 4/2011 phải thu Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	6.249.231.572
Chi hệ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	435.299.732	214.299.732
Thuế giá trị gia tăng được hoàn theo Quyết định của Cục Thuế tỉnh Bình Định	-	9.839.703.682
Phải thu khác	254.895.309	40.024.641
	<u>690.195.041</u>	<u>16.343.259.627</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	750.000	53.997.500
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	66.930.908
Hàng hóa	32.698.077.046	9.474.407.409
Cộng	<u>32.698.827.046</u>	<u>9.595.335.817</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.972.058.328)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>29.726.768.718</u>	<u>9.595.335.817</u>

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.972.058.328 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNGLô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	51.281.332.619	500.589.321	1.009.002.060	2.572.622.431	55.363.546.431
Mua trong năm	7.641.666.225	-	1.391.890.911	347.932.503	9.381.489.639
Thanh lý	-	-	-	(57.662.000)	(57.662.000)
Tại ngày 31/12/2012	<u>58.922.998.844</u>	<u>500.589.321</u>	<u>2.400.892.971</u>	<u>2.862.892.934</u>	<u>64.687.374.070</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	14.067.516.640	54.662.823	296.350.200	1.085.473.899	15.504.003.562
Khấu hao trong năm	4.698.754.187	125.175.124	285.842.815	713.814.487	5.823.586.613
Thanh lý	-	-	-	(57.662.000)	(57.662.000)
Tại ngày 31/12/2012	<u>18.766.270.827</u>	<u>179.837.947</u>	<u>582.193.015</u>	<u>1.741.626.386</u>	<u>21.269.928.175</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	<u>40.156.728.017</u>	<u>320.751.374</u>	<u>1.818.699.956</u>	<u>1.121.266.548</u>	<u>43.417.445.895</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>37.213.815.979</u>	<u>445.926.498</u>	<u>712.651.860</u>	<u>1.487.148.532</u>	<u>39.859.542.869</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 3.158.773.073 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 311.452.048 đồng).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	13.519.002.668	20.000.000	13.539.002.668
Mua trong năm	8.385.816.571	-	8.385.816.571
Thanh lý	-	(20.000.000)	(20.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	<u>21.904.819.239</u>	<u>-</u>	<u>21.904.819.239</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	37.827.593	20.000.000	57.827.593
Khấu hao trong năm	44.756.625	-	44.756.625
Thanh lý	-	(20.000.000)	(20.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	<u>82.584.218</u>	<u>-</u>	<u>82.584.218</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	<u>21.822.235.021</u>	<u>-</u>	<u>21.822.235.021</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>13.481.175.075</u>	<u>-</u>	<u>13.481.175.075</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí trả trước về thuê đất khu công nghiệp Nhơn Bình	5.945.813.969	6.098.825.828
Chi phí trả trước dài hạn khác	414.107.435	1.176.049.713
	<u>6.359.921.404</u>	<u>7.274.875.541</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn
 Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	11.964.259	9.860.463.431
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	667.728.705
Thuế thu nhập cá nhân	408.226.561	178.194.176
	<u>420.190.820</u>	<u>10.706.386.312</u>

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2011	-	-	-	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	80.000.000.000	-	-	-	-	80.000.000.000
Tăng vốn trong năm	20.000.000.000	-	-	-	-	20.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	31.329.058.293	31.329.058.293
Trích lập quỹ	-	-	4.699.358.744	3.132.905.829	(12.328.489.581)	(4.496.225.008)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tăng khác	-	23.366	-	-	-	23.366
Số dư tại 01/01/2012	100.000.000.000	23.366	4.699.358.744	3.132.905.829	9.000.568.712	116.832.856.651
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	43.649.392.927	43.649.392.927
Trích lập quỹ (1)	-	-	4.364.939.293	2.182.469.646	(14.309.757.171)	(7.762.348.232)
Trả cổ tức (2)	-	-	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
(Giảm) khác	-	(23.366)	-	-	(14.497.984)	(14.521.350)
Số dư tại 31/12/2012	100.000.000.000	-	9.064.298.037	5.315.375.475	24.325.706.484	138.705.379.996

(1) Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty thông qua tại Nghị quyết số 341/NQ-PBHC ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty thực hiện tạm trích Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Dự phòng tài chính và Quỹ Khen thưởng phúc lợi với số tiền tương ứng là 4.364.939.293 đồng, 2.182.469.646 đồng và 7.762.348.232 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(2) Theo Nghị quyết số 108/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 3 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức được phê duyệt năm 2011 là 17.000.000.000 đồng (1.700 đồng/cổ phần), trong đó số đã tạm ứng năm 2011 là 10.000.000.000 đồng và số chi trả trong năm 2012 là 7.000.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền 7.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn
 Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Tỷ lệ (%)	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	75,0%	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	4,9%	4.900.000.000
Công ty TNHH Minh Tân	3,0%	3.000.000.000
Các cổ đông khác	17,1%	17.100.000.000
	100%	100.000.000.000

12. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

Doanh thu - Giá vốn trong năm theo từng loại hình kinh doanh của Công ty như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu phân bón	2.433.647.274.505	2.182.618.579.589
Doanh thu hóa chất	19.154.042.497	11.163.501.941
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.021.111.177	18.205.374.180
	2.468.822.428.179	2.211.987.455.710
Chiết khấu thương mại	25.069.082.914	14.867.163.230
Giảm giá hàng bán	2.773.333.330	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.440.980.011.935	2.197.120.292.480

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn phân bón	2.314.560.113.704	2.098.077.912.661
Giá vốn hóa chất	18.166.786.212	10.803.619.366
Giá vốn cung cấp dịch vụ	15.253.503.269	17.616.264.215
	2.347.980.403.185	2.126.497.796.242

Trong năm, sản phẩm hàng hóa của Công ty (bao gồm các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất) chủ yếu được phân phối tại khu vực các tỉnh Miền Trung.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNGLô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	15.689.980.786	12.823.817.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.868.343.238	5.669.768.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.830.344.306	10.692.119.890
Chi phí khác	7.593.478.992	2.366.074.454
	<u>44.982.147.322</u>	<u>31.551.780.287</u>

14. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	53.268.275.691	41.960.728.863
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	227.298.000	565.953.416
Thu nhập chịu thuế	<u>53.495.573.691</u>	<u>42.526.682.279</u>
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	13.373.893.423	10.631.670.570
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (i)	3.755.010.659	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>9.618.882.764</u>	<u>10.631.670.570</u>

(i) Theo quy định tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính, Công ty thuộc diện được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 do đáp ứng điều kiện có số lao động nhỏ hơn 100 người. Số thuế được giảm được xác định trên thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty với số tiền là 3.755.010.659 đồng.

15. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	152.783.228	153.190.241

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 20.000 m² tại khu Công nghiệp Nhơn Bình với giá thuê 0,65 USD/m²/năm. Thời hạn phân bổ chi phí thuê đất là 42 năm tính từ năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.518.116.234	75.750.967.116
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.901.695.812	64.585.544.282
Tổng cộng	66.419.812.046	140.336.511.398
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	3.704.380.563	77.079.004.878
Chi phí phải trả	-	6.307.223.510
Tổng cộng	3.704.380.563	83.386.228.388

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.518.116.234	-	59.518.116.234
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.901.695.812	-	6.901.695.812
Tổng cộng	66.419.812.046	-	66.419.812.046
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.704.380.563	-	3.704.380.563
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	3.704.380.563	-	3.704.380.563
Chênh lệch thanh khoản thuần	62.715.431.483	-	62.715.431.483
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.750.967.116	-	75.750.967.116
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.585.544.282	-	64.585.544.282
Tổng cộng	140.336.511.398	-	140.336.511.398
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	77.079.004.878	-	77.079.004.878
Chi phí phải trả	6.307.223.510	-	6.307.223.510
Tổng cộng	83.386.228.388	-	83.386.228.388
Chênh lệch thanh khoản thuần	56.950.283.010	-	56.950.283.010

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn
 Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	14.857.142.857
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	45.638.903.973	59.614.561.804
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	30.580.997.623	25.117.071.423
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	11.522.399.791	4.588.622.259
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	251.226.256	1.604.061.500
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí - Chi nhánh Miền Trung	1.768.309.524	6.966.666.674
Cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	14.513.263.531	17.657.157.333
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	31.881.900
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.930.418.826.679	1.501.701.373.585
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	67.513.514.286
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	17.171.676.429	29.982.143.793
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	110.289.499.848	181.200.548.303
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	62.871.500	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	7.206.262.707	5.770.000.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.049.018.222	1.717.860.224
Mua tài sản		
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	2.503.524.245

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	3.150.020.876	2.662.006.885

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNGLô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.893.644.410	3.621.633.055
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.297.635.200	1.197.198.732
Trả trước cho nhà cung cấp		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	70.508.000.000	236.823.341
Phải thu khác		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	435.299.732	6.463.531.304
Phải trả		
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	51.986.000	137.693.833
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	758.461.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	75.421.304.166
Người mua trả tiền trước		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	2.905.350.225	121.753.572
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	3.860.365.429	140.991.448

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.



Phạm Thị Tuyết Minh
Người lập biểu



Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng



Cao Trung Kiên
Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2013